



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư
Dragon Capital Việt Nam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15 tháng 7 năm 2003

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số

179/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 8 năm 2003
58/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 3 năm 2005
766/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 12 năm 2006
253/QĐ-UBCK	ngày 5 tháng 4 năm 2007
16/UBCK-GP	ngày 23 tháng 6 năm 2008
45/UBCK-GP	ngày 8 tháng 1 năm 2009
63/UBCK-GP	ngày 24 tháng 2 năm 2010
73/UBCK-GP	ngày 24 tháng 6 năm 2010
79/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2010
361/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 4 năm 2012
36/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 5 năm 2012
17/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 6 năm 2013
06/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 1 năm 2019
88/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 12 năm 2020
39/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 6 năm 2021
76/GPĐC-UBCK	ngày 7 tháng 9 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Hội đồng Quản trị	Ông Dominic Timothy Charles Scriven Ông Trần Thanh Tân Ông Beat Schurch Ông Lê Anh Minh Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Beat Schurch	Tổng Giám đốc
Ủy Ban Kiểm toán	Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene) Ông Lê Anh Minh	Chủ tịch Thành viên
Trụ sở đăng ký	Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Kết luận của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00290-23-1



Nelson Rodríguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		729.276.386.535	740.068.068.751
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	77.912.790.881	102.065.506.096
Tiền	111		6.312.790.881	14.565.506.096
Các khoản tương đương tiền	112		71.600.000.000	87.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	540.954.365.380	497.359.327.865
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	121		556.814.124.493	497.359.327.865
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(15.859.759.113)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.354.954.620	128.892.889.263
Trả trước cho người bán	132		2.884.808.954	2.757.200.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	98.217.254.263	121.170.066.162
Phải thu ngắn hạn khác	135	7(a)	1.252.891.403	4.965.623.101
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.054.275.654	11.750.345.527
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	8.054.275.654	11.750.345.527

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		218.780.100.414	211.303.653.818
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.886.619.350	5.694.597.868
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	6.886.619.350	5.694.597.868
Tài sản cố định	220		101.072.769.248	53.749.448.116
Tài sản cố định hữu hình	221	8	11.025.980.547	11.901.084.938
Nguyên giá	222		22.897.988.082	20.647.482.698
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.872.007.535)	(8.746.397.760)
Tài sản cố định vô hình	227	9	76.300.686.002	8.045.382.289
Nguyên giá	228		89.257.491.279	17.131.690.596
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.956.805.277)	(9.086.308.307)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	13.746.102.699	33.802.980.889
Đầu tư tài chính dài hạn	250		61.673.965.798	97.390.013.769
Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	11	61.673.965.798	97.390.013.769
Tài sản dài hạn khác	260		49.146.746.018	54.469.594.065
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	32.631.149.347	20.807.734.221
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	16.515.596.671	33.661.859.844
Tài sản dài hạn khác	268	14	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		948.056.486.949	951.371.722.569

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		139.588.100.048	226.582.147.118
Nợ ngắn hạn	310		139.588.100.048	226.582.147.118
Phải trả người bán	312	15	4.423.637.259	5.762.303.805
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	58.280.635.408	59.313.380.921
Chi phí phải trả	316	17	72.577.983.352	158.309.299.218
Phải trả ngắn hạn khác	319		4.305.844.029	3.197.163.174
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		808.468.386.901	724.789.575.451
Vốn cổ phần	411	18	311.419.430.000	311.419.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.963.180.000	6.963.180.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		25.792.349.257	25.792.349.257
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.754.075.939	17.754.075.939
Lợi nhuận chưa phân phối	420		446.539.351.705	362.860.540.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		948.056.486.949	951.371.722.569

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Ngoại tệ các loại	005	20	898.436.704	9.689.338.874
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	21	9.728.002.053	4.447.867.817
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		9.728.002.053	4.447.867.817
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	22	880.868.561.976	160.189.821.013
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		880.868.561.976	160.189.821.013
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	23	131.564.813.336	5.975.305.257
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	24	437.224.640	382.580.946

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B02 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	25	1.107.834.760.253	877.751.966.089
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	27.743.635.790	17.597.652.542
Chi phí tài chính	22	27	17.775.702.235	373.514.290
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	562.823.469.069	463.858.882.781
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 22 - 25)	30		554.979.224.739	431.117.221.560
Thu nhập khác	31	29	159.340.687	323.006.803
Chi phí khác	32	30	1.135.000.000	117.222.072.201
Kết quả hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(975.659.313)	(116.899.065.398)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		554.003.565.426	314.218.156.162
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	95.046.146.303	93.955.588.709
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	31	17.146.263.173	(29.880.809.740)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		441.811.155.950	250.143.377.193
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	14.187	10.049

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01	1.130.787.572.152	768.610.025.231
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(176.549.588.831)	(118.276.982.867)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(318.545.906.235)	(156.152.999.916)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(97.573.201.670)	(49.536.807.176)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.502.368.166	3.361.168.240
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(144.620.391.983)	(175.108.859.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	405.000.851.599	272.895.544.165
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(67.395.813.666)	(45.214.662.792)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	2.003.000.000
Tiền chi mua các công cụ nợ	23	(61.673.965.798)	(220.322.191.448)
Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ	24	102.282.051.974	227.461.324.845
Tiền chi đầu tư vào cổ phiếu	25	(65.537.066.548)	(429.000.000.000)
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27	21.303.571.724	12.624.571.806
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.021.222.314)	(452.447.957.589)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ việc phát hành cổ phiếu	31	-	164.300.580.000
Tiền chi trả cổ tức	36	(358.132.344.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(358.132.344.500)	164.300.580.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(24.152.715.215)	(15.251.833.424)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 4)	60	102.065.506.096	117.317.339.520
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	77.912.790.881	102.065.506.096

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B05 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	214.772.030.000	(60.690.000.000)	13.285.180.398	5.246.907.080	137.731.500.780	310.345.618.258
Phát hành cổ phiếu	96.647.400.000	67.653.180.000	-	-	-	164.300.580.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	250.143.377.193	250.143.377.193
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	12.507.168.859	-	(12.507.168.859)	-
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	12.507.168.859	(12.507.168.859)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	362.860.540.255	724.789.575.451
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	441.811.155.950	441.811.155.950
Chia cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(358.132.344.500)	(358.132.344.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	446.539.351.705	808.468.386.901

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
 Kế toán tổng hợp

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
 Kế toán trưởng

Ông Beat Schurch
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNNVN”) cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 8 tháng 1 năm 2009 là ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn cổ phần của Công ty là 311.419 triệu VND (31/12/2021: 311.419 triệu VND).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 176 nhân viên (31/12/2021: 148 nhân viên), trong đó có 31 nhân viên (31/12/2021: 29 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(f) Thay đổi chính sách kế toán

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty áp dụng hồi tố Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 (“Thông tư 114”) do Bộ Tài chính ban hành, bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Những thay đổi trong chính sách kế toán của Công ty do việc áp dụng Thông tư 114 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(c)(i) và Thuyết minh 3(n) của báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào, bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin và phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán, giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCOM”)), giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại ngày gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trong trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong trường hợp Công ty không thể xác định giá thực tế trên thị trường của chứng khoán.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá hạch toán trên sổ sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 7 tháng 4 năm 2022 (“Thông tư 24”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCOM và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, giá thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá thực tế trên thị trường là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được quỹ công bố.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch trên UPCOM, Công ty xác định dự phòng rủi ro cho từng chứng khoán bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc tham khảo tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 - 8 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(k) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập dựa trên số năm làm việc của người lao động và mức lương bình quân của họ trong thời gian sáu tháng trước khi kết thúc kỳ kế toán năm, trừ đi số tiền trợ cấp thôi việc đã được Công ty chi trả. Số năm làm việc của người lao động để tính trợ cấp thôi việc không bao gồm thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

(l) Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022

Theo Thông tư 146 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận đã thực hiện như sau:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được dùng để bổ sung vốn cổ phần của Công ty theo quyết định của cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần để chi trả cổ tức.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư 146. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 và do đó Thông tư 146 được áp dụng cho toàn bộ kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Theo Thông tư 114:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 sẽ được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.
- Quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc được sử dụng theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông, của Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Công ty chưa đưa ra bất kỳ quyết định nào liên quan đến số dư của các quỹ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán và quỹ hưu trí, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Tài sản được nắm giữ theo hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là tài sản thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(u) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng các số liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh cho năm trước được bao gồm như một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính năm hiện tại và chỉ nhằm mục đích đọc liên quan đến các số liệu và các thuyết minh khác liên quan đến năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc lưu chuyển tiền tệ của năm trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Tiền mặt	113.897.784	210.590.095
Tiền gửi ngân hàng	6.198.893.097	14.354.916.001
Các khoản tương đương tiền (*)	71.600.000.000	87.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>77.912.790.881</u>	<u>102.065.506.096</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất năm là 6% (31/12/2021: từ 3,20% đến 3,90%).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh (a)	510.192.706.548	444.655.640.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	46.621.417.945	52.703.687.865
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (c)	(15.859.759.113)	-
	<u>540.954.365.380</u>	<u>497.359.327.865</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			31/12/2021				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
▪ DCIP(*)	26.713.848	249.000.000.000	265.803.858.840	-	26.713.848	249.000.000.000	258.146.868.511	-
▪ DCBF(*)	8.274.112	180.000.000.000	192.555.802.909	-	8.274.112	180.000.000.000	184.335.968.806	-
Chứng chỉ quỹ niêm yết								
▪ FUEDCMID(*)	6.900.000	65.537.066.548	55.890.000.000	(9.647.066.548)	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
▪ THA	655.200	15.655.640.000	9.747.394.350	(5.908.245.650)	655.200	15.655.640.000	20.966.400.000	-
		510.192.706.548	523.997.056.099	(15.555.312.198)		444.655.640.000	463.449.237.317	

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ lần lượt 90% (31/12/2021: 95%), 44% (31/12/2021: 22%) và 73% (31/12/2021: không) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của DCIP, DCBF và FUEDCMID.

Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các quỹ được Công ty đầu tư. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các quỹ được đầu tư mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó, các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận như chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(c), thay vì được hợp nhất hay ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Trái phiếu niêm yết				
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)	46.621.417.945	(304.446.915)	-	-
Chứng chỉ tiền gửi				
▪ Công ty TNHH MTV Tài chính Home Credit Việt Nam	-	-	32.466.098.824	-
▪ Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	-	-	20.237.589.041	-
	46.621.417.945	(304.446.915)	52.703.687.865	-

Trái phiếu niêm yết do KBC phát hành đáo hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2023 và hưởng lãi suất 10,8%/năm (31/12/2021: chứng chỉ tiền gửi có thời hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất từ 7,825% đến 8%/năm).

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	15.859.759.113	-
Số cuối năm	15.859.759.113	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán - các bên liên quan (Thuyết minh 32) (*)	74.974.015.948	95.394.702.275
<i>Trong đó:</i>		
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	74.974.015.948	95.394.702.275
Phải thu hoạt động quản lý quỹ - các bên liên quan (Thuyết minh 32) (*):	22.806.013.675	25.392.782.941
<i>Trong đó:</i>		
▪ FUEVFNVD - Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	12.317.376.977	9.181.043.402
▪ E1VFN30 - Quỹ ETF DCVFMVN30	4.231.178.902	5.878.807.231
▪ VFMVSF - Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc	2.140.847.415	3.390.192.577
▪ DCDS - Quỹ đầu tư Chứng khoán Năng động DC	2.453.234.156	4.113.975.181
▪ DCBF - Quỹ đầu tư Trái phiếu DC	466.811.916	1.468.389.827
▪ DCBC - Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu	700.445.201	1.024.822.584
▪ DCIP - Quỹ đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cố định DC	318.923.223	282.222.878
▪ FUEDCMID – Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP	52.580.000	
▪ PHUCAN - Quỹ Hưu Trí Bồ Sung Tự Nguyễn Phúc An	44.740.117	22.316.506
▪ THINHAN - Quỹ Hưu Trí Bồ Sung Tự Nguyễn Thịnh An	64.119.157	20.942.669
▪ VINHAN - Quỹ Hưu Trí Bồ Sung Tự Nguyễn Vĩnh An	15.756.611	10.070.086
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư:	437.224.640	382.580.946
<i>Trong đó:</i>		
▪ Các nhà đầu tư ủy thác trong nước	437.224.640	382.580.946
	98.217.254.263	121.170.066.162

(*) Các khoản phải thu từ các bên liên quan về hoạt động tư vấn và quản lý không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Lãi phải thu từ chứng chỉ tiền gửi	-	4.439.638.356
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	303.452.054	96.213.324
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	673.939.349	97.753.425
Phải thu khác	275.500.000	332.017.996
	<hr/>	<hr/>
	1.252.891.403	4.965.623.101
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	6.154.723.650	4.666.872.450
Đặt cọc thuê nhà	504.625.700	871.205.418
Phải thu khác	227.270.000	156.520.000
	<hr/>	<hr/>
	6.886.619.350	5.694.597.868
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định hữu hình

2022	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.165.909.798	9.481.572.900	20.647.482.698
Tăng trong năm	2.250.505.384	-	2.250.505.384
Số dư cuối năm	13.416.415.182	9.481.572.900	22.897.988.082
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.561.201.147	1.185.196.613	8.746.397.760
Khấu hao trong năm	1.545.347.625	1.580.262.150	3.125.609.775
Số dư cuối năm	9.106.548.772	2.765.458.763	11.872.007.535
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	3.604.708.651	8.296.376.287	11.901.084.938
Số dư cuối năm	4.309.866.410	6.716.114.137	11.025.980.547

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2021	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.170.933.768	2.598.500.000	11.769.433.768
Tăng trong năm	1.994.976.030	9.481.572.900	11.476.548.930
Thanh lý	-	(2.598.500.000)	(2.598.500.000)
Số dư cuối năm	11.165.909.798	9.481.572.900	20.647.482.698
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.499.797.381	396.993.056	6.896.790.437
Khấu hao trong năm	1.061.403.766	1.293.467.446	2.354.871.212
Thanh lý	-	(505.263.889)	(505.263.889)
Số dư cuối năm	7.561.201.147	1.185.196.613	8.746.397.760
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.671.136.387	2.201.506.944	4.872.643.331
Số dư cuối năm	3.604.708.651	8.296.376.287	11.901.084.938

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá là 5.923.584.318 VND (31/12/2021: 5.652.239.118 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2022	2021
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	17.131.690.596	13.687.298.596
Tăng trong năm	502.200.000	1.033.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	71.623.600.683	2.411.392.000
Số dư cuối năm	89.257.491.279	17.131.690.596
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	9.086.308.307	6.931.787.614
Khấu hao trong năm	3.870.496.970	2.154.520.693
Số dư cuối năm	12.956.805.277	9.086.308.307
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	8.045.382.289	6.755.510.982
Số dư cuối năm	76.300.686.002	8.045.382.289

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá là 2.693.213.046 VND (31/12/2021: 2.610.318.046 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	33.802.980.889	3.509.259.027
Tăng trong năm	64.643.108.282	32.705.113.862
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(71.623.600.683)	(2.411.392.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12(b))	(12.718.885.789)	-
Xóa sổ	(357.500.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	13.746.102.699	33.802.980.889

Chi tiết của xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Phần mềm quản lý đầu tư - Dịch vụ quản lý tài sản (“AMS”)	8.305.540.844	-
Phần mềm quản lý dữ liệu doanh nghiệp - hệ thống IRIS	1.735.756.691	1.248.709.737
Phần mềm quản lý đầu tư - Quản lý dữ liệu doanh nghiệp (“EDM”)	-	25.747.543.690
Phần mềm giao dịch đầu tư	-	4.550.936.600
Khác	3.704.805.164	2.255.790.862
	<hr/>	<hr/>
	13.746.102.699	33.802.980.889

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc/Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu niêm yết được phát hành bởi:		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	42.788.840.687	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (VND)	18.885.125.111	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Kinh Bắc (KBC)	-	46.974.358.230
Chứng chỉ tiền gửi		
▪ Công ty TN8HH MTV Tài chính Home Credit Việt Nam	-	50.415.655.539
	<hr/>	<hr/>
	61.673.965.798	97.390.013.769

Trái phiếu niêm yết bao gồm trái phiếu do CII và VND phát hành lần lượt đáo hạn vào ngày 21 tháng 10 năm 2024 và ngày 7 tháng 3 năm 2024 và có lãi suất từ 8,2% đến 9,5%/năm (31/12/2021: trái phiếu niêm yết do KBC phát hành đáo hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2023 và hưởng lãi suất 10,8%/năm).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Chi phí thuê	6.164.272.410	9.628.811.606
Chi phí bảo hiểm	123.905.186	449.723.832
Chi phí trả trước khác	1.766.098.058	1.671.810.089
	<hr/>	<hr/>
	8.054.275.654	11.750.345.527
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

2022	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.202.269.465	16.605.464.756	20.807.734.221
Tăng trong năm	10.293.576.588	1.209.078.804	11.502.655.392
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	3.027.540.204	9.691.345.585	12.718.885.789
Phân bổ trong năm	(3.866.595.992)	(8.531.530.063)	(12.398.126.055)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	13.656.790.265	18.974.359.082	32.631.149.347
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
2021	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	276.322.229	-	276.322.229
Tăng trong năm	4.693.024.149	19.063.400.967	23.756.425.116
Phân bổ trong năm	(767.076.913)	(2.457.936.211)	(3.225.013.124)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.202.269.465	16.605.464.756	20.807.734.221
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho:</i>			
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	16.515.596.671	33.661.859.844

14. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác có số tiền là 10 tỷ VND liên quan đến việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ ngày 19 tháng 1 năm 2018 giữa Công ty và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (“VFMVF2”).

Theo đó, Công ty nhận chuyển giao từ VFMVF2 quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 2407/HĐKT-M&C mà VFMVF2 đã ký với Công ty Cổ phần M&C (“M&C”) vào ngày 8 tháng 11 năm 2007 (“Hợp đồng 2407”) về việc cùng đầu tư xây dựng Dự án Cao ốc Sài Gòn M&C ở tại số 34 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án”) do Công ty Cổ phần Sài Gòn One Tower (trước đây là Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn M&C - là công ty con của Công ty Cổ phần M&C tại ngày ký Hợp đồng 2407) là chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng 2407, VFMVF2 góp vốn đầu tư xây dựng Dự án bằng tiền để nhận lại kết quả đầu tư là diện tích sàn căn hộ dự án sau khi Dự án được hoàn tất. Dự án đã tạm ngưng thi công từ năm 2011 và đang được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) thu giữ nhằm mục đích xử lý, thu hồi nợ của các tổ chức có liên quan. Theo đó, Công ty không ghi nhận phần chia phát sinh từ hoạt động đồng kiểm soát tài sản theo Hợp đồng 2407.

Theo Nghị quyết số 06/VF2-2017/NQĐH của Đại hội Nhà đầu tư thường niên của VFMVF2 ngày 14 tháng 12 năm 2017, sau khi giải thể VFMVF2, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục khởi kiện M&C ra tòa án do vi phạm hợp đồng hoặc chuyển nhượng lại tài sản này cho bên thứ ba. Trong trường hợp số tiền thanh toán từ bên thứ ba hoặc khoản tiền bồi thường mà Công ty nhận được từ M&C cao hơn 10.000 triệu VND, Công ty sẽ chi trả phần chênh lệch cho các thành viên góp vốn của VFMVF2 theo tỷ lệ sở hữu của mỗi thành viên này sau khi trừ đi chi phí chuyển nhượng, khởi kiện hoặc thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã đánh giá và trích lập 100% (31/12/2021: 100%) dự phòng đối với tài sản này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	31/12/2021 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch vụ Du Lịch Ảnh Sao Thiên	2.050.350.460	-
GoldenSource Corporation	357.322.105	3.067.193.070
Shoreline Consulting Pte., Ltd	-	1.418.723.468
Các nhà cung cấp khác	2.015.964.694	1.276.387.267
	4.423.637.259	5.762.303.805

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.343.382.589	95.046.146.303	(97.573.201.670)	44.816.327.222
Thuế thu nhập cá nhân	11.783.364.547	131.088.328.452	(129.646.261.353)	13.225.431.646
Thuế nhà thầu nước ngoài	197.181.829	5.936.435.530	(5.884.192.775)	249.424.584
Thuế giá trị gia tăng	-	81.282.810	(81.282.810)	-
Các loại thuế khác	(10.548.044)	2.020.316.886	(2.020.316.886)	(10.548.044)
	59.313.380.921	234.172.509.981	(235.205.255.494)	58.280.635.408

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Thường theo thành tích	61.575.579.548	148.113.591.301
Phí giới thiệu	6.042.863.901	5.392.488.994
Phí tư vấn	2.626.150.618	3.022.618.043
Phí dịch vụ chuyên môn	826.600.000	946.000.000
Chi phí khác	1.506.789.285	834.600.880
	72.577.983.352	158.309.299.218

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.141.943	311.419.430.000	31.141.943	311.419.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	31.141.943	311.419.430.000	31.141.943	311.419.430.000

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	15.534.602	155.346.020.000	49,88
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe)	14.977.341	149.773.410.000	48,09
▪ Nhân viên công ty	630.000	6.300.000.000	2,03
	31.141.943	311.419.430.000	100,00

Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe) và Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK) được thành lập lần lượt tại Vương Quốc Anh và Hồng Kông.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu có quyền biểu quyết một lần tại các cuộc họp của các cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tùy từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông được xếp hạng như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	31.141.943	311.419.430.000	21.477.203	214.772.030.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	9.664.740	96.647.400.000
Số dư cuối năm	31.141.943	311.419.430.000	31.141.943	311.419.430.000

19. Cổ tức

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã chia tổng số tiền cổ tức là 358.132.344.500 VND theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 22 tháng 4 năm 2022, cụ thể như sau:

- Cuộc họp của Hội đồng Quản trị vào ngày 6 tháng 6 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức đợt 1 năm 2021 với số tiền là 140.138.743.500 VND (4.500 VND/cổ phiếu).
- Cuộc họp của Hội đồng Quản trị vào ngày 8 tháng 8 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức đợt 2 năm 2021 với số tiền là 108.996.800.500 VND (3.500 VND/cổ phiếu).
- Cuộc họp của Hội đồng Quản trị vào ngày 21 tháng 9 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức đợt 3 năm 2021 với số tiền là 108.996.800.500 VND (3.500 VND/cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	27.915.056.974	21.512.643.099
Trong vòng hai đến năm năm	55.652.763.524	33.974.819.740
	83.567.820.498	55.487.462.839

(b) Ngoại tệ

	31/12/2022		31/12/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	38.346	898.436.704	428.163	9.689.338.874

21. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nhà đầu tư đứng tên		
D001 (i)	9.642.235.766	4.421.719.864
D002 (ii)	50.000.000	-
D003 (iii)	35.766.287	26.147.953
	9.728.002.053	4.447.867.817

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) D001

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.421.719.864	745.915.531
Tăng trong năm	440.423.974.155	141.666.575.209
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	60.990.884.500	71.976.212.100
<i>Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	53.000.000.000	16.700.000.000
<i>Tiền thu từ bán chứng khoán</i>	325.583.920.525	52.389.032.467
<i>Tăng khác</i>	849.169.130	601.330.642
Giảm trong năm	(435.203.458.253)	(137.990.770.876)
<i>Gửi tiền gửi có kỳ hạn</i>	(56.000.000.000)	(17.300.000.000)
<i>Tiền chi mua chứng khoán</i>	(360.326.329.216)	(116.992.339.918)
<i>Tiền chi phí quản lý</i>	(2.875.772.496)	(1.604.559.094)
<i>Giảm khác</i>	(16.001.356.541)	(2.093.871.864)
Số dư cuối năm	9.642.235.766	4.421.719.864

(ii) D002

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	2.922.525.918.018	-
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	1.110.050.000.000	-
<i>Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	417.534.586.300	-
<i>Tiền thu từ bán chứng khoán</i>	1.035.621.835.000	-
<i>Tiền thu từ bán trái phiếu</i>	332.801.735.482	-
<i>Tăng khác</i>	26.517.761.236	-
Giảm trong năm	(2.922.475.918.018)	-
<i>Gửi tiền gửi có kỳ hạn</i>	(417.000.000.000)	-
<i>Tiền chi mua chứng khoán</i>	(1.134.555.657.275)	-
<i>Tiền chi mua trái phiếu</i>	(1.078.704.466.757)	-
<i>Nhà đầu tư rút tiền</i>	(282.506.755.917)	-
<i>Tiền chi phí quản lý</i>	(6.607.528.813)	-
<i>Giảm khác</i>	(3.101.509.256)	-
Số dư cuối năm	50.000.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) D003

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	26.147.953	76.425.440
Tăng trong năm	89.090.072.687	143.882.265.196
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	9.730.496.600	11.069.107.200
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn	60.590.000.000	70.300.000.000
Tiền thu từ rút tiền chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn	3.121.728.960	-
Tiền thu từ bán chứng khoán	-	46.558.762.924
Tiền thu từ bán trái phiếu	8.500.000.000	-
Lãi tiền gửi đã nhận	7.147.847.127	4.953.652.572
Tăng khác	-	11.000.742.500
Giảm trong năm	(89.080.454.353)	(143.932.542.683)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	(74.740.000.000)	(67.600.000.000)
Tiền chi mua chứng khoán	-	(61.703.092.063)
Tiền chi mua trái phiếu	(12.517.817.138)	-
Giảm khác	(1.822.637.215)	(14.629.450.620)
Số dư cuối năm	35.766.287	26.147.953

22. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Cổ phiếu niêm yết	102.205.876.975	92.847.934.153
Trái phiếu niêm yết	236.503.838.840	11.877.532.202
Trái phiếu chưa niêm yết	518.008.846.161	45.459.351.370
Tiền gửi có kỳ hạn	24.150.000.000	7.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	3.005.003.288
	880.868.561.976	160.189.821.013

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác và do các nhà đầu tư này đứng tên như sau:

	31/12/2022				31/12/2021				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	500.000	8.803.393.434	8.950.000.000	-	220.097	6.850.377.321	7.879.472.600	-
▪ Công ty Cổ phần FPT	FPT	110.000	7.842.732.560	8.459.000.000	-	65.000	3.902.595.220	6.045.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	170.000	8.054.691.382	7.293.000.000	(761.691.382)	75.000	7.887.820.579	10.192.500.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	70.000	5.166.199.507	5.600.000.000	-	31.900	2.297.744.674	2.513.720.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	210.000	4.093.046.713	4.725.000.000	-	110.000	3.168.171.550	3.465.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	200.000	3.102.516.305	3.600.000.000	-	100.050	3.474.382.590	4.642.320.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	40.000	3.107.571.921	3.596.000.000	-	25.000	2.557.841.969	2.405.000.000	(152.841.969)
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	90.000	3.364.423.542	3.474.000.000	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB	200.000	3.341.460.092	3.420.000.000	-	100.002	2.483.903.896	2.890.057.800	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	110.000	2.712.352.434	3.410.000.000	-	50.004	3.030.615.124	3.210.256.800	-
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	70.000	3.413.151.418	3.360.000.000	(53.151.418)	30.000	2.507.215.191	2.460.000.000	(47.215.191)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	KDH	120.000	2.823.348.678	3.180.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HDG	100.000	2.868.240.084	3.140.000.000	-	48.000	3.019.802.920	3.192.000.000	-
▪ Tổng Công ty Khí Việt Nam	GAS	30.000	3.597.543.425	3.045.000.000	(552.543.425)	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG	110.000	2.750.991.909	2.997.500.000	-	42	1.249.505	1.423.800	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	PVD	150.000	2.515.783.018	2.677.500.000	-	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	110.000	1.998.159.417	2.662.000.000	-	75.000	2.780.175.927	4.560.000.000	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	120.000	2.330.470.469	2.640.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	DPG	90.000	2.666.428.653	2.565.000.000	(101.428.653)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	140.000	2.397.217.282	2.478.000.000	-	100.000	3.595.210.837	5.180.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	35.000	2.554.086.984	2.443.000.000	(111.086.984)	50.000	2.736.242.907	3.140.000.000	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	DPM	55.000	2.173.242.708	2.362.250.000	(167.657.817)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	40.000	2.323.657.817	2.356.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	VCI	100.000	2.318.253.981	2.325.000.000	-	60.000	4.060.849.810	4.368.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	180.000	2.016.096.112	2.295.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	30.000	2.028.131.083	2.070.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	75.000	2.173.515.194	1.987.500.000	(186.015.194)	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2022			31/12/2021					
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Có phiếu niêm yết (tiếp theo)									
▪ Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	70.000	1.897.078.788	1.841.000.000	(56.078.788)	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	80.000	1.672.344.004	1.752.000.000	-	31.250	558.970.360	1.078.125.000	-
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	NT2	60.000	1.587.923.459	1.731.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	VND	120.000	1.483.779.603	1.620.000.000	-	65.000	2.941.182.965	5.330.000.000	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Viglacera	VGC	40.000	1.543.977.498	1.352.000.000	(191.977.498)	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp	BCM	15.000	1.284.067.501	1.209.000.000	(75.067.501)	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	-	-	-	-	148.500	4.502.328.883	6.095.925.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	TCB	-	-	-	-	100.000	4.251.466.663	5.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn VINGROUP	VIC	-	-	-	-	50.000	5.172.803.190	4.755.000.000	(417.803.190)
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông	OCB	-	-	-	-	150.000	4.078.699.662	4.095.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	HDB	-	-	-	-	130.000	4.070.319.248	4.010.500.000	(59.819.248)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	DXS	-	-	-	-	100.000	3.094.344.410	3.730.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH	-	-	-	-	120.000	2.957.955.287	3.294.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	SSB	-	-	-	-	60.000	2.599.843.924	2.736.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thế Giới Số	DGW	-	-	-	-	20.000	2.684.243.207	2.478.000.000	(206.243.207)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL	-	-	-	-	26.205	1.572.605.038	2.384.655.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Tài	PTB	-	-	-	-	61	4.242.529	6.039.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	HDC	-	-	-	-	50	1.793.449	4.750.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	DHC	-	-	-	-	50	2.935.318	4.450.000	-
			102.205.876.975		(2.256.698.660)		92.847.934.153		(883.922.805)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	31/12/2022			31/12/2021		
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND
Trái phiếu niêm yết							
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	CII121029	1.100.000	109.159.269.863	109.159.600.000	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần TNG Holdings Việt Nam	TNG122017	609.756	60.975.600.000	62.653.648.512	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	BAF122029	406.091	40.572.251.414	40.678.135.470	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	VNCII1210299	140.000	13.919.185.361	13.919.185.420	-	-	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC121020	80.000	8.090.707.275	7.990.484.000	(100.223.275)	80.000	8.090.707.275
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San	MSNH2023056	37.552	3.786.824.927	3.786.824.943	-	37.552	3.786.824.927
			236.503.838.840		(100.223.275)		11.877.532.202

Trái phiếu chưa niêm yết							
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên							
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	KDHH2225001	200	200.000.000.000	Chưa xác định	-	-	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBCH2123002	850.000	84.912.687.671	Chưa xác định	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVLH2124002	750.000	74.229.093.151	Chưa xác định	-	-	-
▪ Công ty Crescent Point Energy	CPGCH2225001	500	50.000.000.000	Chưa xác định	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDSH2223005	45.000	45.000.000.000	Chưa xác định	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDSH2224001	25.000	25.000.000.000	Chưa xác định	-	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Trái phiếu chưa niêm yết (tiếp theo)	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	VN0DXG180323	120	12.007.713.969	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH140625	10	9.969.247.534	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	VN0PDR020223	90	8.990.103.836	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập Đoàn PCI	TP.PCI	34	3.400.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	VN0PDR021223	30	3.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VN0VDS150323	1.500	1.500.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	CII	-	-	-	-	50.000	5.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	VDS	-	-	-	-	8.500	8.500.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	KDH	-	-	-	-	10	9.969.247.534	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXGBOND_1	-	-	-	-	100	10.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDRBOND_5	-	-	-	-	90	8.990.103.836	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDRH2123007	-	-	-	-	30	3.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định
			518.008.846.161				45.459.351.370		

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Mệnh giá của các trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi như sau:

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Trái phiếu chưa niêm yết	518.900.000.000	45.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	24.150.000.000	7.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	3.000.000.000
	543.050.000.000	55.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các chứng khoán này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 125 hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

23. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phải thu trái phiếu đáo hạn	105.515.068.493	-
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	20.128.702.572	934.719.122
Phải thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	4.058.489.300	4.962.488.700
Phải thu từ bán chứng khoán	1.531.586.669	-
Cổ tức phải thu	200.500.000	45.033.600
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	130.466.302	33.063.835
	131.564.813.336	5.975.305.257

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	437.224.640	382.580.946

25. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm:

	2022	2021
	VND	VND
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	811.630.925.017	635.240.647.723
Phí quản lý		
▪ Hoạt động quản lý quỹ (i)	271.602.339.329	225.509.153.178
▪ Hoạt động quản lý danh mục đầu tư ủy thác (ii)	8.348.888.614	1.207.525.162
Phí mua lại chứng chỉ quỹ (iii)	16.252.607.293	15.205.135.986
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (iii)	-	589.504.040
	1.107.834.760.253	877.751.966.089

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty hiện đang quản lý các quỹ DCDS, DCBC, DCBF, DCIP, VFMVFA, VFMVSF, E1VFN30, FUEVFN30 và FUEDCMID là các quỹ đầu tư chứng khoán; VINHAN, PHUCAN và THINHAN là các quỹ hưu trí. Tất cả các quỹ này đều được thành lập tại Việt Nam. Trong đó, VFMVFA đang trong quá trình giải thể. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Loại hình	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2022 VND
DCDS	Quỹ mở	▪ Số 05/GCN-UBCK ngày 8 tháng 10 năm 2013 và Số 17/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	1.261.305.844.696
DCBC	Quỹ mở	▪ Số 06/GCN-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2013 và Số 15/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	370.867.339.197
DCBF	Quỹ mở	▪ Số 04/GCN-UBCK ngày 10 tháng 6 năm 2013 và Số 16/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	434.867.428.616
DCIP	Quỹ mở	▪ Số 36/GCN-UBCK ngày 3 tháng 4 năm 2019 và Số 14/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	293.802.572.053
VFMVFA	Quỹ mở	▪ Số 03/UBCK-GCN ngày 18 tháng 4 năm 2013	30.970.678
VFMVSF	Quỹ mở	▪ Số 31/GCN-UBCK ngày 02 tháng 3 năm 2018	3.319.991.546.358
E1VFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 14/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2014 và Số 06/GCN-UBCK ngày 28 tháng 4 năm 2021	7.398.576.174.016
FUEVFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 và Số 13/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	18.083.580.873.093
FUEDCMID	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 40/GCN-UBCK ngày 23 tháng 8 năm 2022	76.535.769.325
VINHAN	Quỹ mở	▪ Số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Thông báo số 047/DCVFM/TB-QHTBSTN ngày 26 tháng 1 năm 2021	18.696.501.696
PHUCAN	Quỹ mở		27.200.246.335
THINHAN	Quỹ mở		30.517.089.119

Công ty được nhận phí quản lý từ các quỹ DCDS, DCBC, DCBF, DCIP, VFMVSF, FUEVFN30, E1VFN30, FUEDCMID, VINHAN, PHUCAN, THINHAN như sau:

Quỹ	Phí quản lý
DCDS	1,95% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBC	1,93% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBF	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCIP	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VFMVSF	0,75% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
E1VFN30	0,65% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEVFN30	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEDCMID	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VINHAN	1,10% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
PHUCAN	1,30% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
THINHAN	1,50% của giá trị tài sản ròng mỗi năm

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với các nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động. Phí thường hoạt động chỉ được nhận nếu các điều kiện nhất định được nêu trong các hợp đồng đầu tư ủy thác được đáp ứng. Không có khoản phí thường hoạt động nào phải thu từ các nhà đầu tư ủy thác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021 vì các điều kiện không được đáp ứng.
- (iii) Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ như sau:

Quỹ	Tổng phí phát hành	Tổng phí mua lại
DCDS	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBC	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBF	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
DCIP	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVSF	0,00% - 3,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
E1VFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEVFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEDCMID	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
VINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,30% giá trị chứng chỉ quỹ
PHUCAN	0,00% giá trị phát hành	0,30% giá trị chứng chỉ quỹ
THINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,30% giá trị chứng chỉ quỹ

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	11.286.509.483	2.981.372.957
Lãi tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	9.561.353.486	4.500.205.651
Lãi từ trái phiếu doanh nghiệp	5.787.308.565	8.669.582.221
Cổ tức nhận được	1.108.464.256	-
Lãi từ bán trái phiếu doanh nghiệp	-	1.035.092.005
Lãi từ bán chứng chỉ tiền gửi	-	411.399.708
	27.743.635.790	17.597.652.542

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	15.859.759.113	-
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.646.636.212	141.289.374
Phí ngân hàng	264.306.910	215.820.756
Chi phí tài chính khác	5.000.000	16.404.160
	<hr/>	
	17.775.702.235	373.514.290
	<hr/>	

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	375.345.812.570	362.846.935.178
Chi phí thuê văn phòng	70.454.711.703	36.609.974.325
Chi phí giới thiệu khách hàng	25.221.994.266	18.375.620.965
Phí quảng cáo	17.923.473.771	6.063.243.131
Phí dịch vụ chuyên môn	15.434.999.793	9.118.600.073
Phí công tác và phí đi lại	11.422.376.028	1.961.206.266
Chi phí thuê nhà cho nhân viên nước ngoài	8.241.273.699	6.899.945.785
Khấu hao và phân bổ	6.996.106.745	4.509.391.905
Chi phí mua thông tin	4.783.644.328	8.901.941.056
Chi phí chăm sóc khách hàng	4.566.655.615	379.913.740
Chi phí tài trợ	5.640.765.000	2.030.276.000
Chi phí tiếp khách	3.798.230.356	1.120.861.032
Phí đào tạo và hội thảo	6.890.314.082	1.535.095.663
Chi phí tuyển dụng	1.904.982.576	277.302.740
Chi phí khác	4.198.128.537	3.228.574.922
	<hr/>	
	562.823.469.069	463.858.882.781
	<hr/>	

29. Thu nhập khác

	2022	2021
	VND	VND
Phí đại diện	159.340.687	320.006.803
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	3.000.000
	<hr/>	
	159.340.687	323.006.803
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí khác

	2022	2021
Chi ủng hộ Trung tâm Nghiên cứu Sức khỏe Cộng đồng và Phát triển (COHED)	1.135.000.000	-
Chi ủng hộ và tài trợ liên quan đến phòng chống dịch Covid-19	-	117.128.836.090
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	-	93.236.111
	<hr/> 1.135.000.000	<hr/> 117.222.072.201 <hr/>

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành	95.046.146.303	93.955.588.709
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	17.146.263.173	(29.880.809.740)
	<hr/> 112.192.409.476	<hr/> 64.074.778.969 <hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	554.003.565.426	314.218.156.162
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	110.800.713.085	62.843.631.232
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.613.389.242	1.231.147.737
Thu nhập không bị tính thuế	(221.692.851)	-
	<hr/> 112.192.409.476	<hr/> 64.074.778.969 <hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Tinh chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Các quỹ do Công ty quản lý					
▪ DCDS	Phí quản lý	30.361.846.097	17.894.876.572	2.150.379.709	2.634.500.628
	Phí phát hành	-	329.888.382	302.854.447	1.479.474.553
	Phí mua lại	7.206.846.415	7.430.859.808	-	-
▪ DCBC	Phí quản lý	10.096.964.343	8.419.706.513	623.122.739	804.713.601
	Phí phát hành	-	83.701.582	77.322.462	220.108.983
	Phí mua lại	2.593.396.543	2.604.961.001	-	-
▪ DCBF	Phí quản lý	9.350.341.186	10.246.262.616	466.811.916	880.754.411
	Phí phát hành	-	58.892.076	-	587.635.416
	Phí mua lại	5.348.271.267	4.673.425.082	-	-
▪ DCIP	Phí quản lý	5.449.200.185	1.833.422.362	318.017.401	276.840.716
	Phí phát hành	-	22.000	905.822	5.382.162
	Phí mua lại	1.066.453.160	57.639.200	-	-
▪ VFMVSF	Phí quản lý	34.086.872.049	32.598.976.229	2.140.847.415	3.390.192.577
	Phí phát hành	-	117.000.000	-	-
▪ E1VFN30	Phí quản lý	53.543.365.598	61.669.857.325	4.231.178.902	5.878.807.231
	Phí mua lại	-	424.186.161	-	-
▪ FUEVFN30	Phí quản lý	128.024.481.216	92.637.743.009	12.317.376.977	9.181.043.402

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
▪ FUEDCMID	Phí quản lý	190.453.320	-	52.580.000	-
▪ THINHAN	Phí quản lý Phí mua lại	276.243.474 10.785.565	68.304.802 6.469.611	64.119.157	20.942.669
▪ PHUCAN	Phí quản lý Phí mua lại	200.413.678 24.007.052	90.765.945 4.760.975	44.740.117	22.316.506
▪ VINHAN	Phí quản lý Phí mua lại	22.158.183 2.847.291	49.237.805 2.834.148	15.756.611	10.070.086
Các công ty liên quan khác					
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	811.630.925.017	635.240.647.723	74.974.015.948	95.394.702.275

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

33. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 441.811.155.950 VND (2021: 250.143.377.193 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 31.141.943 cổ phiếu (2021: 24.892.960 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(b) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	441.811.155.950	250.143.377.193

(c) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022	2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	31.141.943	21.477.203
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành trong năm	-	3.415.757
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	31.141.943	24.892.960

(d) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022	2021
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.187	10.049

(e) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

34. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	77.798.893.097	101.854.916.001
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	(iii)	46.621.417.945	52.703.687.865
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	(iii)	61.673.965.798	97.390.013.769
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(iv)	98.217.254.263	121.170.066.162
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	1.252.891.403	4.965.623.101
Phải thu dài hạn khác	(iv)	6.886.619.350	5.694.597.868
Tài sản dài hạn khác	(v)	10.000.000.000	10.000.000.000
		302.451.041.856	393.778.904.766

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp do các tổ chức uy tín phát hành. Ban Giám đốc không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp này và tin rằng các tổ chức này sẽ không vỡ nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư và quản lý quỹ, phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ các quỹ thuộc quản lý của Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Không có khoản phải thu nào bị quá hạn hoặc bị tổn thất tại các ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(v) Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác là được quyền chuyển nhượng từ VFMVF2 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 14. Rủi ro tín dụng được coi là tối đa do Ban Giám đốc đánh giá rằng tài sản này có thể không thu hồi được.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	4.423.637.259	4.423.637.259	4.423.637.259
Chi phí phải trả	11.002.403.804	11.002.403.804	11.002.403.804
Phải trả ngắn hạn khác	4.305.844.029	4.305.844.029	4.305.844.029
	19.731.885.092	19.731.885.092	19.731.885.092

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	5.762.303.805	5.762.303.805	5.762.303.805
Chi phí phải trả	10.195.707.917	10.195.707.917	10.195.707.917
Phải trả ngắn hạn khác	3.197.163.174	3.197.163.174	3.197.163.174
	19.155.174.896	19.155.174.896	19.155.174.896

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	6.198.893.097	14.354.916.001
Các khoản tương đương tiền	71.600.000.000	87.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	107.990.936.828	150.093.701.634

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2022	31/12/2021
	VND	VND
<i>Bảng USD</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	898.436.704	9.689.338.874
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	74.974.015.948	95.394.702.275
	<hr/>	<hr/>
	75.872.452.652	105.084.041.149

Nếu USD mạnh lên hoặc yếu đi 4% so với VND (31/12/2021: 2%) với tất cả các yếu tố khác không đổi thì mức tăng hoặc giảm tương ứng của lợi nhuận sau thuế sẽ là 2.427.918.807 VND (31/12/2021: 1.681.344.658 VND).

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và không niêm yết. Giá trị của các cổ phiếu này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá cổ phiếu bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá thị trường của chứng chỉ quỹ niêm yết do Công ty nắm giữ là 55.890.000.000 VND (31/12/2021: không). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 15% tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 trong khi tất cả các yếu tố khác không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm 6.706.800.000 VND

Rủi ro giá cổ phiếu đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến chứng chỉ quỹ chưa niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết tại Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng các phương pháp thích hợp có tính đến nhiều yếu tố, điều đó có nghĩa là các khoản đầu tư chưa niêm yết này cũng chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	103.119.343.404	103.119.343.404
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	107.990.936.828	107.990.936.828	46.974.358.230	46.974.358.230
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Đầu tư tài chính ngắn hạn	510.192.706.548	523.437.249.604	444.655.640.000	463.449.237.317
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	77.912.790.881	77.912.790.881	102.065.506.096	102.065.506.096
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	98.217.254.263	98.217.254.263	121.170.066.162	121.170.066.162
▪ Phải thu ngắn hạn khác	1.252.891.403	1.252.891.403	4.965.623.101	4.965.623.101
▪ Phải thu dài hạn khác	6.886.619.350	6.886.619.350	5.694.597.868	5.694.597.868
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(4.423.637.259)	(4.423.637.259)	(5.762.303.805)	(5.762.303.805)
▪ Chi phí phải trả	(11.002.403.804)	(11.002.403.804)	(10.195.707.917)	(10.195.707.917)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(4.305.844.029)	(4.305.844.029)	(3.197.163.174)	(3.197.163.174)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Chứng khoán kinh doanh

Đối với chứng khoán niêm yết (bao gồm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm đã niêm yết), giá trị hợp lý là giá đóng cửa vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM và doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá trị hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên tiếp gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, giá thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch trên UPCOM, Công ty xác định dự phòng rủi ro cho từng chứng khoán bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

